

Số: 18/KH-THCSYH

Yên Hải, ngày 14 tháng 09 năm 2020

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
Trường THCS Yên Hải
Giai đoạn 2021 - 2026 và tầm nhìn đến năm 2030

Trường THCS Yên Hải thuộc xã Yên Hải, huyện Yên Hưng (nay là phường Yên Hải, thị xã Quảng Yên) được tái thành lập theo Quyết định số 250/ KHTV ngày 26/7/2000 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc tách và thành lập trường.

Năm học đầu tiên 2000-2001 trường THCS Yên Hải có 6 lớp, với hơn 245 học sinh và 18 cán bộ giáo viên. Trường có Chi bộ độc lập với 3 đảng viên. Từ năm học 2000-2001 đến hết năm học 2008-2009 trường hoạt động trong khuôn viên chung học nhờ của trường TH Yên Hải. Trong những năm học này, Thầy và trò nhà trường gặp rất nhiều khó khăn. Tuy vậy đội ngũ nhà trường luôn luôn đoàn kết, khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ, từng bước xây dựng đơn vị.

Quy mô nhà trường phát triển không ngừng. Từ năm học 2013 - 2014 đến nay nhà trường luôn ổn định 9-10 lớp, và từ 340 đến 370 học sinh; năm học 2020 - 2021 là trường Hạng III, có 9 lớp với 343 học sinh. Đội ngũ nhà trường có 22 đồng chí CBGVNV, đủ chuyên ngành đào tạo, chia thành 02 tổ Chuyên môn và 01 tổ Văn phòng; BGH gồm 02 đồng chí. Chi bộ Đảng có 7 đảng viên bằng 31,8% tổng số CBGVNV

Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn cao, yêu nghề, mến trẻ, có kinh nghiệm, luôn nhiệt tình tâm huyết với sự nghiệp giáo dục. Chính vì vậy mà các chỉ tiêu về số lượng, chất lượng giáo dục luôn được tổ chức thực hiện và đạt kết quả cao. Trường luôn được xếp ở tốp đầu khối các trường THCS trong toàn thị xã. Trong 20 năm, 14 lần nhà trường đạt tập đạt danh hiệu Tập thể Lao động Tiên tiến; Trong đó 03 lần đạt Tập thể LĐ Xuất sắc; các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường đều đạt vững mạnh xuất sắc. Đặc biệt nhà trường đã được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh công nhận Trường đạt Chuẩn quốc gia vào tháng 2 năm 2012. Tháng 8 năm 2014, trường được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3. Tháng 5 năm 2017, trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2017-2022. Đây là niềm tự hào của Thầy và trò, khẳng định “Thương hiệu và sứ mệnh” của nhà trường.

Trong 20 năm qua, nhà trường đã được 24 lần nhận Giấy khen của UBND thị xã Quảng Yên, LĐLĐ thị xã, HĐĐ thị xã và Phường Yên Hải, cùng với hơn 60 lượt giấy khen, Bằng khen của các cá nhân các thầy cô giáo, các em học sinh trong các phong trào thi đua yêu nước, thi đua dạy tốt học tốt.

Trong điều kiện khó khăn, tập thể sư phạm nhà trường vẫn luôn giữ tinh thần trách nhiệm, tâm huyết trong công tác, với tinh thần “Tất cả vì học sinh thân yêu”.

A- ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

I. Môi trường bên trong:

1. Số liệu cụ thể:

a) Đội ngũ

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	Đ H	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	22			17	5	0	0	5	17	0	11	11		
I	Giáo viên	17			13	4			4	13	0	9	8		
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán + Lý+CN	4			4	0			0	4		2	2		
3	Hóa	1			1					1		0	1		
4	Sinh	1			1				0	1		1	0		
5	Văn+ Sử + GDCD	6			4	2			2	4		3	2		
6															
7	Địa	1			1	0				1	0	0	1		
8	Anh	2			1	1			1	1		1	1		
9															
10	Âm nhạc	1			1					1		1			
11	Mĩ thuật	1				1			1	0		1			
12	Thể dục	1			1					1		1			
13	Công nghệ														
14	TPT Đội	1			1				1				1		
II	Cán bộ quản lý	2													

1	Hiệu trưởng	1		1				1		1		
2	Phó hiệu trưởng	1		1		1				1		
III	Nhân viên	3										
1	Nhân viên văn											
2	Nhân viên kế toán	1		1								
3	Thủ quỹ	1		1								
4	Nhân viên y tế	0										
5	Nhân viên thư viện	0										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1							
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0										
	Nhân viên công nghệ thông tin	0										
9												

b) Học sinh: Số liệu đầu năm học 2020-2021

Khối	Số lớp	Học sinh			Số HS/lớp	Số HS lưu ban	Gia đình chính sách	Gia đình khó khăn
		T.số	Nữ	Dân tộc				
6	3	98	39	0	32.7			
7	2	85	38	0	42.5			
8	2	84	41	0	42.0	0		
9	2	78	38	0	39.0			
Tổng số	9	345	156	0	38.3			

d) Trang thiết bị phòng học và thiết bị dạy học Các hạng mục thiết kế, trang thiết bị và nhu cầu sử dụng

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	12	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	12	1,0
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-

5	Số phòng học bộ môn	02	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	02	-
7	Bình quân lớp/phòng học	10	1
8	Bình quân học sinh/lớp	38.3	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	10842,8 m ²	12,17
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	6000 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng	751	
1	Diện tích phòng học (m ²)	49	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	72	
3	Diện tích thư viện (m ²)	63	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	<i>Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m²)</i>	16	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	4	Số bộ/lớp
	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	4	
1.1	Khối lớp 6	01	1/3
1.2	Khối lớp 7	01	1/2
1.3	Khối lớp 8	01	1/2
1.4	Khối lớp 9	01	1/2
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	4	
2.1	Khối lớp 6	01	2/3
2.2	Khối lớp 7	01	1/2
2.3	Khối lớp 8	01	1/2
2.4	Khối lớp 9	01	1/2
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	01	
4			

VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	10	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	01	
2	Cát xét	03	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	10	10/10
5	Hệ thống camera	0	
6	Máy vi tính xách tay	02	
7	Máy điều hòa	0	
8	Máy in	04	
9	Máy ảnh	01	
10	Máy photo	01	
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi		
2	Cát xét	03	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	10	
5	Thiết bị khác...		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIV	Tường rào xây	X	
XV	Nhà để xe cho GV và HS	X	

Hạng mục, trang thiết bị	Hiện có	Nhu cầu	Còn thiếu
1. Phòng học			
+ Phòng kiên cố	12	15	3
2. Khối phòng chức năng			
+ Phòng Ban giám hiệu	2	2	0
+ Phòng Y tế	1	1	0
+ Phòng tài vụ	1	1	0
+ Phòng họp (phòng hội đồng)	1	1	0
+ Phòng chờ GV	2	2	0
+ Phòng giáo vụ	0	0	0
+ Phòng tiếp khách	0	0	0

+ Phòng vi tính	0	1	1
+ Phòng nghe nhìn	0	0	2
+ Phòng Công nghệ	2	2	0
+ Phòng Nữ công gia chánh	0	0	1
+ Phòng Mỹ thuật	0	0	1
+ Phòng Âm nhạc	0	0	1
+ Phòng Vật lý - Thí nghiệm Vật lý- CN	1	1	0
+ Phòng Hóa học - Thí nghiệm Hóa học Sinh học	1	1	0
+ Phòng Đoàn đội	1	1	0
+ Phòng quản lý hồ sơ	0	0	1
+ Thư viện	1	1	0
+ Kho đồ dùng giảng dạy	0	0	1
+ Kho sách	0	0	1
3. Khu sân chơi, bãi tập	2	2	0
4. Nhà bảo vệ	1	1	0
5. Bếp	0	0	0
6. Nhà ăn	0	0	0
7. Hội trường	0	1	1
8. Nhà tập thể thao	0	1	1
9. Phòng truyền thống	1	1	0
10. Mái che để xe học sinh	1	1	0
11. Nhà vệ sinh học sinh	1	1	Xuống cấp
12. Phòng vệ sinh GV	1	3	2

2. Phân tích mặt mạnh, mặt yếu.

a) Mặt mạnh

Trường THCS Yên Hải được xây dựng trên khuôn viên đẹp, diện tích lớn, được trang bị cơ sở vật chất tương đối đảm bảo.

Có sự quan tâm của lãnh đạo thị xã, lãnh đạo ngành.

Sĩ số học sinh không đông, trung bình 38.3 học sinh/lớp

b) Mặt yếu

- Trường đang xuống cấp rất nhanh về dãy nhà hiệu bộ, nhà học đường, nhà học chức năng về hệ thống cửa sổ, cửa ra vào bằng gỗ tạp đang mục ruỗng. Tường nứt vỡ ngấm nước loang ó...

- Diện tích sân chơi, bãi tập đủ nhưng chưa đảm bảo để hoạt động, nền đất lầy lội, mùa mưa phún rất bẩn, làm ảnh hưởng đến Vệ sinh nhà trường, sức khỏe học sinh; không có đường chạy, hố cát đúng tiêu chuẩn chất lượng. Đặc biệt đáng ngại là chưa có nhà tập đa chức năng để tổ chức đầy đủ các hoạt động thể chất và ảnh hưởng đến các giờ học trong lớp.

- Năm học 2020-2021 trường có 10 lớp nhưng chỉ có 8 phòng học, và phải mượn 02 phòng học chức năng. Cơ sở vật chất, trang thiết bị đã xây dựng 10 năm qua nay cũng dần xuống cấp.

- Một số phụ huynh có hoàn cảnh khó khăn, gia đình diện nghu nghiệp, thường đi biển dài ngày, gửi con cho ông bà hoặc để anh chị em tự trông nhau để lo kinh tế gia đình nên chưa quan tâm sâu sát đến việc học của học sinh; số học sinh thuộc hộ gia đình khó khăn còn nhiều, khoảng gần 30 học sinh.

II. Môi trường bên ngoài:

Trường Trung học cơ sở Yên Hải được thành lập theo theo Quyết định số 250/KHTV ngày 26/7/2000 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc tách và thành lập trường. Tổng diện tích của trường là 10842,8 m². Năm 2000 trường được chính thức đưa vào hoạt. Trong quá trình sử dụng, nhiều hạng mục chưa hợp lý, phải tu sửa, coi nói phục vụ cho thầy trò hoạt động. Trường Trung học cơ sở Yên Hải có địa chỉ khu 7 phường Yên Hải, thị xã Quảng Yên, trường nằm ở vị trí phía Đông giáp đường tỉnh lộ 338, phía Bắc giáp đường ra khu tái định cư và mương Yên Lập; Phía tây giáp UBND Phường Yên Hải; phía Tây giáp với khu tái định cư.

1. Cơ hội:

Các nghị quyết của Đảng, chỉ thị của nhà nước về công tác giáo dục khẳng định giáo dục là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của toàn dân; ngành giáo dục có nhiệm vụ nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đây là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển giáo dục.

Được sự quan tâm của các cấp ủy, chính quyền, ban ngành đoàn thể, hội khuyến học với sự nghiệp giáo dục của trường ngày càng sâu sắc, thiết thực cả về vật chất và tinh thần góp phần rất lớn tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện việc chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục.

Ngày càng có nhiều cơ hội, nhiều chương trình học, tạo điều kiện cho giáo viên nâng cao trình độ. Phương tiện thông tin ngày càng mở rộng vừa là cơ hội, vừa là thách thức giúp cho giáo viên và học sinh tiếp thu phát triển kiến thức

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập; đẩy mạnh phong trào thi đua “dạy tốt, học tốt”, thực hiện những giải pháp đột phá và những giải pháp lâu dài nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

2. Thách thức:

Chiến lược phát triển giáo dục trường THCS Yên Hải với kế hoạch đảm bảo nội dung dạy học đạt yêu cầu cơ bản về chất lượng giáo dục toàn diện.

Chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý phải đáp ứng tốt các yêu cầu đổi mới giáo dục.

Tăng cường các giải pháp để tăng tỉ lệ học sinh khá giỏi, giảm tỉ lệ học sinh yếu kém, đảm bảo hiệu suất đào tạo.

Đổi mới phương pháp dạy học, hướng dẫn học sinh thực hiện tốt việc tự học, dạy học phân hóa trên cơ sở chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình giáo dục phổ thông.

- về đội ngũ giáo viên: Thiếu giáo viên môn *Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí; GDCD, Công nghệ*; Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin của một số giáo viên còn hạn chế; Đội ngũ giáo viên cốt cán cấp thị xã của nhà trường còn ít; Đội ngũ giáo viên trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi và giáo dục học sinh cá biệt. Cơ cấu chưa cân đối: thiếu GV dạy liên môn.

- về đội ngũ nhân viên: Kỹ năng sử dụng, ứng dụng CNTT trong công tác quản lý thực hiện công tác thư viện, thiết bị đôi lúc chưa kịp thời; Nhân viên thực hiện nhiệm vụ chưa được bồi dưỡng, thiếu nhân viên y tế, nhân viên văn thư.

- Về CBQL: Mới được đề bạt, đôi lúc chưa mạnh dạn đề xuất với các cấp có thẩm quyền trong việc bồi dưỡng, nâng cao đội ngũ giáo viên, nhân viên tại đơn vị.

III. Đánh giá những mặt đạt được và những mặt chưa đạt được trong thực hiện chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2017 - 2020.

1. Mặt đạt được:

Cán bộ quản lý luôn đoàn kết, chỉ đạo điều hành các hoạt động của nhà trường một cách đồng bộ hiệu quả. Phát huy tốt dân chủ trong trường học. Được sự tin tưởng quý mến của cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

Đội ngũ giáo viên là một tập thể đoàn kết nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm yêu nghề gắn bó với nhà trường; tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập tạo được những thành tích nhất định, bước đầu tạo dựng được uy tín trong ngành.

Nền nếp - kỷ cương của nhà trường được giữ vững và phát huy, các hoạt động ngoại khóa được tổ chức đều đặn và ngày càng phong phú.

Chất lượng dạy học được giữ vững và tương đối ổn định. Tuy vậy trong năm học 2019-2020 và 2020-2021 do ảnh hưởng chung của dịch Covid-19 nên các chỉ số thi đua chưa được liên tục, do cấp trên không tổ chức để phòng chống dịch. Song, đánh giá chung thì nhà trường vẫn giữ vững được chất lượng giảng dạy, công tác bồi dưỡng đội ngũ được duy trì, phát triển tay nghề | là ổn định.

STT	NỘI DUNG	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1	Công tác tuyển sinh đúng quy định	100.0%	100.0%	100.0%	100.0%

2	Tỉ lệ duy trì SS HS lưu ban, bỏ học	343/343 =100% (LB: 0; Bỏ: 0)	340/340 =100.0% (LB: 0)	330/331 = 99.7% (LB: 02 Bỏ: 01)	337/338=99.7% (LB: 04; Bỏ: 01)
3	Hiệu suất đào tạo				
4	Tỉ lệ HS xếp loại học lực khá - giỏi	50.2%	52.4%	53.9%	61.7%
5	Tỉ lệ HS lên lớp thẳng	100%	334/ 340 = 98.2%	255/ 256 = 99.6	244/ 247 = 98,9
6	Tỉ lệ HS lên lớp sau thi lại	0	6/6 =100%	100%	100%
7	Tỉ lệ HS xếp loại hạnh kiểm khá - tốt	100%	333/342= 97,4%	324/330=98.1%	334/337=99.1%
8	Tỉ lệ HS tốt nghiệp THCS, Đỗ TS 10 CL:	TN:100.0% Đỗ:	TN:100.0% Đỗ:	TN: 72/74 = 97,3% Đỗ: 41/72 = 56.9%	TN:100.0% Đỗ: 58/90 = 64.4%
9	HS đạt giải cấp Quốc gia	0	(các môn thi qua mạng không tc)	(các môn thi qua mạng không tc)	(các môn thi qua mạng không tc)
10	HS đạt giải cấp Tỉnh	16	02 (các môn thi qua mạng không tc)	03 (các môn thi qua mạng không tc)	02(Thể chất) Do dịch, tỉnh không tc các môn văn hóa
11	HS đạt giải cấp Thị xã	55	18	21	8 HSVH9; (K6+7+8 không tổ chức)
12	Lao động tiên tiến	24/25 = 96 %	100%	22/23 = 95,7 %	100%
13	Chiến sĩ thi đua	Cấp Thị xã: 04 Cấp Tỉnh: 0	Cấp Thị xã: 04 Cấp Tỉnh: 0	Cấp Thị xã: 03; Cấp Tỉnh: 0	Cấp Thị xã: 03 Cấp Tỉnh: 0
14	Giáo viên dạy giỏi	Cấp Tỉnh: không tc; Thị xã: 03 Cấp trường: 16 /21 = 76,2 %	Cấp Tỉnh: không tc Thị xã: không tc ; Cấp trường: 16	Cấp Tỉnh: 0 Thị xã: 03; Cấp trường: 16/ 18 = 88,9 %	Cấp Tỉnh: không tc Thị xã: không tc Cấp trường: 17
15	Giáo viên CNG	GVCNG Thị xã: không tc; Cấp trường: 8	GVCNGThị xã: 03; Cấp trường: 9	GVCNG Thị xã: không tc; Cấp trường: 8	GVCNG Thị xã: 05 Cấp trường: 9
16	Chi đoàn		Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc

17	Đội TNTPHCM	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc
18	Công đoàn	Vững mạnh	Vững mạnh	Vững mạnh	Vững mạnh
19	Thư viện	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt
20	Thiết bị	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt
21	Y tế	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
22	Trường đạt danh hiệu	Tiên Tiến	Tiên Tiến	Tiên Tiến	Tiên tiến
23	Chi bộ	Trong sạch vững mạnh	Trong sạch vững mạnh	Trong sạch vững mạnh	Trong sạch vững mạnh
24	Thành tích đặc biệt				

Nguyên nhân khách quan:

Nhà trường luôn được sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo kịp thời của các cấp lãnh đạo thị xã, địa phương, Phòng Giáo dục và Đào tạo trong công tác xây dựng đội ngũ của nhà trường.

Xã hội phát triển đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phải đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục và không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục.

Dịch Covid-19 làm gián đoạn kế hoạch, nguy cơ tiềm ẩn khó lường, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng dạy và học của nhà trường.

Nguyên nhân chủ quan:

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên về năng lực và phẩm chất.

Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường nhiệt tình, tích cực trong công tác xây dựng động cơ, thái độ học tập và nề nếp, kỉ luật của học sinh.

Tập thể nhà trường luôn có ý thức và trách nhiệm trong phong trào xây dựng môi trường thân thiện - học sinh tích cực và công tác giáo dục đạo đức, kỉ luật cho học sinh.

2. Mặt chưa đạt được:

Chất lượng đội ngũ giáo viên chưa đồng đều; một bộ phận giáo viên lớn tuổi chưa quen với phương pháp tư duy, giảng dạy mới; số giáo viên trẻ cần được bồi dưỡng, rèn luyện để nâng cao trình độ. Còn một bộ phận giáo viên cao tuổi, an phận không bồi dưỡng tay nghề, tư tưởng nghỉ hưu trước tuổi nên sẽ ảnh

hưởng trực tiếp đến danh hiệu thi đua của nhà trường.

Chất lượng học sinh giỏi bộ môn tuy có cao hơn so với mặt bằng chung

của thị xã song chưa xứng với vị thế của nhà trường.

Sự quan tâm của một bộ phận phụ huynh học sinh đối với việc học của học sinh chưa cao. Môi trường xã hội còn nhiều phức tạp ảnh hưởng đến việc phát triển nhân cách cho học sinh.

3. Các vấn đề ưu tiên cần giải quyết trong giai đoạn tiếp theo.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ CB - GV - NV đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.
- Tăng cường ứng dụng CNTT trong dạy học và công tác quản lý.
- Tích cực đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát huy tính tích cực chủ động sáng tạo của học sinh.
- Tiếp tục thực hiện và phát huy kết quả của cuộc vận động “Hai không” do Bộ Giáo dục & Đào tạo phát động.
- Áp dụng các chuẩn vào việc đánh giá các hoạt động của nhà trường về công tác quản lý về giảng dạy của giáo viên...
- Chú trọng giáo dục rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh, tổ chức nhiều hoạt động dạy học, giáo dục và giao lưu để các em có khả năng thích ứng với môi trường.
- Đẩy mạnh việc giáo dục tuyên truyền đạo đức pháp luật cho học sinh không để xảy ra hiện tượng bạo lực học đường.

B- ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

1. Sứ mệnh

Xây dựng chiến lược phát triển Trường THCS Yên Hải phù hợp với các nguồn lực của nhà trường, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, kỷ cương, chất lượng cao để học sinh phát triển toàn diện, có kỹ năng sống và khả năng tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động.

2. Tầm nhìn

Đến năm 2030 Trường THCS Yên Hải phấn đấu giữ vững:

- + Chất lượng giáo dục được khẳng định.
 - + Thương hiệu nhà trường được nâng cao.
 - + Đạt thương hiệu: trường uy tín, chất lượng của Thị xã.
 - + Đạt chất lượng giáo dục cấp độ 3, đạt Chuẩn Quốc gia;
- Phát triển thêm: Trường Chất lượng cao của thị xã.

3. Giá trị cốt lõi

Đẩy mạnh giáo dục toàn diện, nâng cao chất lượng đào tạo, phấn đấu có nhiều học sinh giỏi, nâng cao hiệu suất đào tạo.

Nâng cao lòng yêu nghề, tận tâm giảng dạy học sinh của giáo viên, nâng chất

lượng sinh hoạt chi bộ, phát huy vai trò các đoàn thể, làm tốt công tác phát triển Đảng.

Xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, trường học xanh-sạch-đẹp, hoàn thiện và phát huy hiệu quả các phòng chức năng, xây dựng nhà tập đa chức năng để đảm bảo dạy học theo phương pháp phát huy tính tích cực của học sinh.

4. Phương châm hành động

Xây dựng tập thể sư phạm đoàn kết - Tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập - Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

C- MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

I. Mục tiêu chung.

Thực hiện Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ; Căn cứ Quyết định số 2653/QĐ- BGDĐT ngày 25/7/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch hành động của ngành Giáo dục triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Xây dựng môi trường thân thiện học sinh tích cực; đào tạo học sinh có những kiến thức cơ bản, những truyền thống dân tộc, nâng cao năng lực, trí tuệ, phẩm chất đạo đức, lối sống, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân tài cho đất nước.

Tiếp tục tập trung đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập; đổi mới phương thức đánh giá kết quả học tập của học sinh; chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng học sinh giỏi; khuyến khích học sinh nghiên cứu khoa học, vận dụng lý thuyết vào thực tế; chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh.

Tiếp tục phát triển, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; chú trọng đổi mới tư duy nghiên cứu, giảng dạy theo hướng hiện đại.

1. Các mục tiêu tổng quát:

1.1- Mục tiêu ngắn hạn (đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục):

Năm 2020- 2021: Trường đạt mức 2

1.2- Mục tiêu trung hạn (phát triển thương hiệu):

Đến năm 2022- 2023 Trường đạt mức 3; đạt chuẩn quốc gia mức độ 2

1.3- Mục tiêu dài hạn (khẳng định thương hiệu):

- Đến năm 2025, trường đạt mức 3; giữ vững chuẩn quốc gia;

2. Các mục tiêu từng giai đoạn:

2.1- Đến năm 2021, Trường THCS Yên Hải phấn đấu hoàn thành mục tiêu ngắn hạn được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục với các chỉ tiêu quan trọng sau:

+ Có ít nhất có 10 % giáo viên đạt tiêu chuẩn dạy giỏi từ cấp thị xã trở lên;

có 100% giáo viên đạt chuẩn loại khá trở lên theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học.

+ Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban hàng năm không quá 2 %, trong đó tỷ lệ học sinh bỏ học không quá 1 %.

+ Chất lượng giáo dục loại khá, giỏi đạt từ 60 - 80% (học lực giỏi 34% ; học lực khá 36% ; hạnh kiểm khá, tốt chiếm 90% ; không có học sinh xếp loại hạnh kiểm Yếu).

+ Đạt 50% tiêu chuẩn về cơ sở vật chất theo quy định của trường chuẩn quốc gia.

2.2 - Đến năm 2023, Trường THCS Yên Hải hoàn thành thắng lợi mục tiêu trung hạn với các chỉ tiêu quan trọng sau:

+ Đạt cơ bản các tiêu chuẩn và đủ điều kiện được công nhận trường THCS đạt chất lượng cao

+ Trở thành một trong các trường chất lượng, uy tín của thị xã (thương hiệu).

2.3 - Đến năm 2025, Trường THCS Yên Hải phấn đấu hoàn thành mục tiêu dài hạn đạt được các tiêu chí sau:

+ Chất lượng giáo dục được khẳng định.

+ Thương hiệu nhà trường được nâng cao.

+ Đạt thương hiệu: trường uy tín, chất lượng của Thị xã.

+ Đạt chất lượng giáo dục cấp độ 3, đạt Chuẩn Quốc gia;

II. Mục tiêu cụ thể.

a. Tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ:

- Kiện toàn cơ cấu tổ chức, phân công bố trí lao động hợp lý, phát huy hiệu quả phù hợp với yêu cầu giảng dạy.

- Thực hiện đổi mới sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn đáp ứng yêu cầu.

- Quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ giáo viên theo năng lực đáp ứng được yêu cầu của công việc. Lập kế hoạch tiếp nhận và tuyển dụng giáo viên và nhân viên theo yêu cầu về cơ cấu và chất lượng. Đội ngũ giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, 90% trở lên có trình độ đại học, 100% giáo viên đạt chuẩn về nghề nghiệp, trong đó xếp loại viên chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt 20%; loại hoàn thành Tốt nhiệm vụ 50% trở lên;

- Tạo các điều kiện thuận lợi cho giáo viên, nhân viên theo học các lớp bồi dưỡng và nâng cao trình độ về chính trị và chuyên môn nghiệp vụ, phấn đấu 100% cán bộ quản lý được bồi dưỡng chuẩn hoá về nghiệp vụ, trình độ trung cấp lý luận chính trị, ngoại ngữ và tin học.

b. Mục tiêu về chất lượng giáo dục

- Hạnh kiểm: Tốt 85%, Khá 12%, TB 3%; không có hạnh kiểm yếu.

- Học lực: Giỏi 13%; Khá 41.3%, Tb 44.3%, còn yếu là 1.4%, không có học

sinh xếp loại kém.

- Hiệu suất đào tạo từ 91% trở lên.
- Tỷ lệ học sinh thi đỗ vào các trường THPT theo đúng nguyện vọng từ 60% trở lên.
- Học sinh bỏ học dưới 1%
- Học sinh lưu ban hẫng dưới 1%
- Học sinh lên lớp thẳng 98.5%
- Phần đầu có nhiều học sinh giỏi cấp thị xã, cấp tỉnh.
- Đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, CQG, giai đoạn 2021- 2026

c. Mục tiêu về cơ sở vật chất

- Đảm bảo đầy đủ phòng học thực hiện mô hình 2 buổi/ngày, đảm bảo phòng học bộ môn, máy tính kết nối Internet, bảng tương tác, có đủ thiết bị dạy học theo qui định, thực hiện đầy đủ và có hiệu quả các tiết thực hành thí nghiệm.
- Trang bị đầy đủ phương tiện phục vụ cho công tác quản lý và điều hành nhà trường.
- Cảnh quan nhà trường đảm bảo môi trường “Xanh - sạch - đẹp” và an toàn.

e. Mục tiêu về các mối quan hệ của nhà trường

- Đảm bảo quan hệ tốt với các cơ quan cấp trên, thực hiện đầy đủ các văn bản qui định của cấp trên. Hoàn thành tốt các yêu cầu nhiệm vụ cấp trên giao cho.
- Liên hệ chặt chẽ với cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội trên địa bàn, tạo điều kiện tốt nhất cho phụ huynh học sinh và các lực lượng xã hội tham gia vào công tác giáo dục của nhà trường.
- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực bên ngoài nhằm tăng cường cơ sở vật chất, thực hiện học bổng khuyến học và khuyến tài nhằm giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, động viên khen thưởng giáo viên và học sinh có thành tích cao trong giảng dạy và học tập.

D- CÁC GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC

I. Thực hiện kế hoạch giảng dạy, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh.

Nâng cao chất lượng giảng dạy và đào tạo theo hướng cung cấp tri thức và kỹ năng, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong quá trình tiếp thu kiến thức, tiếp cận với tri thức mới trên mạng và báo chí bổ sung vào bài học.

Tiếp tục nâng cao chất lượng học sinh, chú trọng công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém.

Tăng cường quản lý đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá: tăng cường dự giờ, góp ý giáo viên, nhấn mạnh trọng tâm đánh giá vào công tác đổi mới phương pháp. Thông nhất ra đề kiểm tra nhằm đánh giá thực chất năng lực vận dụng kiến thức của học sinh, chống lối dạy chay, học vẹt, học tủ.

Chỉ đạo dạy học phân hóa theo năng lực học sinh: dạy theo hướng cá thể hóa, có bài tập nâng cao, câu hỏi khó cho học sinh khá giỏi, đáp ứng chuẩn kiến thức kỹ năng cho học sinh yếu và trung bình.

Củng cố và phát triển các loại hình hoạt động ngoại khóa giúp tăng hứng thú học tập cho học sinh. Tận dụng công năng các phòng chức năng và các phương tiện dạy học hiện đại.

Chú trọng công tác giáo dục ngoại khóa thực hiện đúng, đủ chương trình giáo dục hướng nghiệp theo sách giáo khoa ở lớp 9 kết hợp tốt Trung tâm giáo dục kỹ thuật hướng nghiệp thị xã, hướng nghề cho học sinh khối 8,9. Phân luồng học sinh tốt nghiệp THCS vào lớp 10 THPT, trung tâm Giáo dục thường xuyên, trường dạy nghề.

Tăng cường giáo dục toàn diện; Duy trì và đẩy mạnh hơn công tác học sinh giỏi, giáo dục thể chất, năng khiếu.

Thực hiện tốt đề án phổ cập và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh cho học sinh trung học cơ sở.

Nâng cao và củng cố vững chắc, nhuần nhuyễn chất lượng đội ngũ về trình độ chính trị, chuyên môn, tin học. Tổ chức phong trào thiết kế bài giảng bằng giáo án điện tử.

II. Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý nhà trường, nâng cao chất lượng và phát triển đội ngũ.

Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý nhà trường xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đủ số lượng, đồng bộ về cơ cấu và đảm bảo chất lượng; bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên, đáp ứng nhu cầu giảng dạy, bồi dưỡng định kỳ cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý nhằm nâng cao trình độ chính trị, năng lực chuyên môn. Tạo sự chuyên biến mạnh mẽ về chất lượng trong đội ngũ giáo viên nhân viên, từng bước chuẩn hóa và chuyên môn hóa đội ngũ theo các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên nhằm nâng cao năng lực quản lý và giảng dạy cho đội ngũ giáo viên.

Phát triển hợp lý về số lượng đội ngũ cán bộ - giáo viên, nhất là lực lượng giáo viên có tay nghề cao, có tâm huyết, năng lực và kinh nghiệm giảng dạy.

Nâng cao tính chuyên nghiệp của lực lượng nhân viên ở văn phòng và các phòng chức năng.

Chuyên môn hóa hoạt động của bộ phận gián tiếp; tăng cường sự phối hợp giữa các phòng chức năng trong trường, hướng tới hiệu quả hoạt động tốt ở mọi lĩnh vực.

III. Xây dựng cơ sở vật chất, tăng cường trang thiết bị dạy học theo hướng đa dạng hóa và hiện đại hóa.

- Có đầy đủ phòng học
- Phòng làm việc được trang bị đầy đủ phương tiện phục vụ cho công tác quản lý và điều hành nhà trường.
- Bổ sung thường xuyên đồ dùng dạy học và trang thiết bị cần thiết phục vụ cho

giảng dạy.

- Xây dựng cảnh quan nhà trường đảm bảo môi trường “Xanh - sạch - đẹp”

IV. Nâng cao chất lượng quản lý toàn diện nhà trường bằng công nghệ thông tin.

Trường có nhân viên phụ trách công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu của công tác; tiến hành nâng cấp kết nối đường truyền internet cáp quang nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác ứng dụng công nghệ thông tin ngành.

- Trường có trang web nhằm giới thiệu về nhà trường, thông tin và liên lạc với phụ huynh học sinh; có hộp thư điện tử để liên hệ, trao đổi thông tin, gửi - nhận văn bản điện tử phục vụ công tác điều hành, trao đổi thông tin một cách kịp thời.

- Sử dụng các phần mềm phục vụ công tác quản lý như: Phần mềm quản lý hồ sơ điện tử công chức viên chức trực tuyến của Sở Nội vụ, Đánh giá chuẩn nghề nghiệp Hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp GV trên TEMIS; Quản lý học bạ điện tử, đánh giá học sinh trên phần mềm SMAS, liên thông với cơ sở dữ liệu ngành, Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức ngành giáo dục PMIS, thực hiện báo cáo EMIS trên website của Sở Giáo dục và Đào tạo Tỉnh Quảng Ninh.

- Ứng dụng Công nghệ thông tin vào công tác quản lý giáo viên, học sinh, triển khai chương trình SMAS 3.0 giúp công tác quản lý giáo viên, học sinh trong nhà trường trực tuyến thông suốt từ cấp Sở - Phòng và trường.

V. Thực hiện hiệu quả chính sách giáo dục, huy động nguồn lực tài chính, xã hội hóa giáo dục.

Xây dựng tạo mối liên kết với các ban ngành, đoàn thể, tổ chức, doanh nghiệp,.. để có nguồn hỗ trợ hoạt động của trường.

Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách cho giáo viên và học sinh, đảm bảo 100% học sinh thuộc diện gia đình nghèo, cận nghèo có điều kiện đến trường; chăm lo đời sống vật chất và văn hóa tinh thần cho đội ngũ giáo viên, cán bộ, nhân viên trường.

VI. Tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình - xã hội, tăng cường giao lưu, hợp tác quốc tế.

- Đảm bảo quan hệ tốt với các cơ quan cấp trên, thực hiện đầy đủ các văn bản qui định của cấp trên. Hoàn thành tốt các yêu cầu nhiệm vụ cấp trên giao cho.

- Liên hệ chặt chẽ với cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội trên địa bàn, tạo điều kiện tốt nhất cho phụ huynh học sinh và các lực lượng xã hội tham gia vào công tác giáo dục của nhà trường.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực bên ngoài nhằm tăng cường cơ sở vật chất và động viên khen thưởng giáo viên và học sinh có thành tích cao trong giảng dạy và học tập.

E- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Cán bộ quản lý

- Xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2021-2026,

được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các mục tiêu chiến lược đã đề ra.
- Tổ chức đánh giá việc thực hiện kế hoạch hành động hàng năm và thực hiện kế hoạch chiến lược theo từng giai đoạn phát triển của đơn vị.

2. Trách nhiệm của các tổ chuyên môn và các bộ phận nhà trường

- Xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm trong đó mỗi hoạt động cần nêu rõ mục tiêu cần đạt, kết quả, thời gian thực hiện, các nguồn lực thực hiện, người chịu trách nhiệm.

- Tổ chức và phân công thực hiện hợp lý cho các bộ phận, cá nhân theo trách nhiệm của từng thành viên.

- Trong quá trình thực hiện cần thường xuyên kiểm tra, đóng góp ý kiến với lãnh đạo nhà trường để có giải pháp phù hợp nâng cao hiệu quả công việc.

3. Trách nhiệm của đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên

Căn cứ kế hoạch phát triển chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, năm học. Đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

4. Trách nhiệm của Ban đại diện cha mẹ học sinh

- Ban đại diện cha mẹ học sinh phổ biến, triển khai chiến lược của nhà trường trong các phiên họp cha mẹ học sinh. Đóng góp các giải pháp, phối hợp và hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt kế hoạch đề ra.

- Hỗ trợ tinh thần, vật chất ... giúp nhà trường hoàn thành thắng lợi các mục tiêu phát triển từng giai đoạn của Kế hoạch chiến lược.

F- KIẾN NGHỊ:

1. Đối với Phòng Giáo dục Thị xã Quảng Yên

- Tư vấn định hướng một số tiêu chí trong bộ chuẩn để trường hoàn thiện xây dựng chuẩn quốc gia.

2. Đối với UBND Thị xã Quảng Yên

- Tạo điều kiện về cơ sở vật chất kang trang hiện đại đối với trường đạt chuẩn quốc gia.

3. Đối với UBND phường Yên Hải

- Phối hợp giảm tỉ lệ học sinh bỏ học, sớm đưa trường đạt tiêu chí xây dựng chuẩn quốc gia;

Nơi nhận:

- PGD & ĐT (b/c; Phê duyệt);
- UBND phường (b/c; Phê duyệt);
- Cổng thông tin (thông tin đại chúng)
- Lưu./.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Quang Duy